

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN HOÀI AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 485/UBND-NV  
Về việc chấm điểm Bộ chỉ số  
theo dõi, đánh giá kết quả thực  
hiện công tác CCHC đối với  
UBND cấp xã

Hoài An, ngày 13 tháng 11 năm 2017

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

Căn cứ Quyết định số 2724/QĐ-UBND ngày 13/11/2017 của UBND huyện về việc ban hành quy định việc đánh giá kết quả thực hiện công tác CCHC và thang điểm của Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện công tác CCHC đối với UBND các xã, thị trấn;

Để có cơ sở tổng hợp, thẩm định đánh giá kết quả thực hiện Bộ chỉ số CCHC tại các xã, thị trấn năm 2017 theo các quy định. Chủ tịch UBND huyện đề nghị Lãnh đạo UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện các nội dung sau:

- Căn cứ theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần trong thang điểm Bộ chỉ số đánh giá kết quả thực hiện công tác CCHC tại Quyết định số 2724/QĐ-UBND ngày 13/11/2017 của UBND huyện để chấm điểm CCHC năm 2017.

- Việc đánh giá, chấm điểm bắt buộc phải có tài liệu kiểm chứng kèm theo, đối với các tiêu chí, tiêu chí thành phần nào không có tài liệu kiểm chứng đề nghị UBND các xã, thị trấn phải có giải trình cụ thể bằng văn bản về cách đánh giá, chấm điểm ứng với tiêu chí đó. Nếu đánh giá, chấm điểm các tiêu chí, tiêu chí thành phần không có tài liệu kiểm chứng, không có giải trình rõ ràng về cách chấm điểm thì xem như tiêu chí đó không thực hiện (*không đạt yêu cầu*).

- Thành phần hồ sơ, nội dung và trình tự đánh giá, chấm điểm thực hiện theo đúng quy định tại Điều 6, Điều 7 của Quyết định số 2724/QĐ-UBND ngày 13/11/2017 của UBND huyện.

Kết quả đánh giá, chấm điểm và tài liệu kiểm chứng đề nghị UBND các xã, thị trấn báo cáo về UBND huyện (qua Phòng Nội vụ) trước ngày 08/12/2017 để có cơ sở thẩm định và phê duyệt chỉ số CCHC UBND các xã, thị trấn.

Đề nghị UBND các xã, thị trấn nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Xuân Phong



Số: 2724/QĐ-UBND

Hoài An, ngày 13 tháng 11 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành quy định việc đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính và thang điểm của Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện công tác CCHC đối với UBND các xã, thị trấn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Quyết định số 536/QĐ-UBND ngày 24/02/2017 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng và Nghị quyết Đại hội XIX Đảng bộ tỉnh về CCHC, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Kế hoạch số 25-KH/HU ngày 06/6/2017 của Huyện ủy Hoài An thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng và Nghị quyết Đại hội XIX Đảng bộ tỉnh về CCHC, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 3664/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bộ chỉ số và quy định việc đánh giá kết quả thực hiện công tác CCHC của các cơ quan trung ương, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Căn cứ Quyết định số 3914/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 của UBND huyện về việc ban hành kế hoạch CCHC năm 2017;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này quy định việc đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính và thang điểm của Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện công tác CCHC đối với UBND các xã, thị trấn.

**Điều 2.** Giao Trưởng Phòng Nội vụ hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện Quyết định này.


**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1486/QĐ-UBND ngày 21/5/2015 của UBND huyện.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng Phòng Nội vụ; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- CT và PCT UBND huyện;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KI. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Phong

**QUY ĐỊNH**

**Việc đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính  
đối với UBND các xã, thị trấn**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2724/QĐ-UBND  
ngày 13 tháng 11 năm 2017 của UBND huyện Hoài An)*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định việc theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính của UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Hoài An.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

**Điều 3. Mục đích, yêu cầu**

**1. Mục đích**

a) Giúp Ủy ban nhân dân huyện theo dõi, phát hiện và chỉ đạo khắc phục kịp thời những tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện chương trình, kế hoạch cải cách hành chính; đồng thời là cơ sở để đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính gắn với việc xét thi đua, khen thưởng hàng năm.

b) Nâng cao trách nhiệm, vai trò của lãnh đạo và cán bộ, công chức về công tác cải cách hành chính tại UBND các xã, thị trấn.

c) Căn cứ chỉ số đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính, UBND các xã, thị trấn chủ động xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm trong công tác cải cách hành chính cho phù hợp với chỉ đạo của Trung ương, UBND tỉnh, Sở Nội vụ, UBND huyện và tình hình thực tế của địa phương, có giải pháp khắc phục những thiếu sót, điểm yếu của địa phương mình. Qua đó, chủ động theo dõi, đánh giá được kết quả thực hiện của địa phương mình góp phần thúc đẩy công tác cải cách hành chính của huyện.

**2. Yêu cầu**

a) Chỉ số CCHC phải bám sát nội dung, mục tiêu Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020; Kế hoạch số 25-KH/HU ngày 06/6/2017 của Huyện ủy Hoài An thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng và Nghị quyết Đại hội XIX Đảng bộ tỉnh về CCHC, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức 2016-2020 và kế hoạch CCHC hàng năm của UBND huyện.

b) Đánh giá thực chất, khách quan việc thực hiện chương trình cải cách hành chính tại đơn vị mình làm cơ sở để so sánh kết quả thực hiện hàng năm giữa các đơn vị khác.

c) Việc theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính tại UBND các xã, thị trấn phải được tổ chức định kỳ hàng năm.

## **Chương II**

### **QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ CHỈ SỐ, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

#### **Điều 4. Chỉ số theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính**

Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính được ban hành cùng với Quy định này là một hệ thống các tiêu chí nhằm mục đích để đánh giá, đo lường các kết quả trong quá trình thực hiện công tác cải cách hành chính.

Những nhóm lĩnh vực, tiêu chí chính làm cơ sở xây dựng chỉ số đánh giá kết quả trong quá trình thực hiện công tác cải cách hành chính bao gồm:

##### **1. Chỉ đạo, điều hành công tác cải cách hành chính**

- a) Ban hành Kế hoạch hoặc Chương trình công tác cải cách hành chính năm.
- b) Mức độ thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính.
- c) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến về các nội dung cải cách hành chính.
- d) Chế độ thông tin, báo cáo về cải cách hành chính.
- e) Công tác kiểm tra về cải cách hành chính.
- f) Sự năng động trong chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính.
- g) Trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác CCHC.

##### **2. Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính trên các lĩnh vực**

- a) Cải cách thể chế.
- b) Cải cách thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế một cửa.
- c) Cải cách tổ chức bộ máy.
- d) Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.
- đ, Cải cách cơ chế quản lý tài chính công.
- e) Hiện đại hóa nền hành chính.

#### **Điều 5. Quy trình tổ chức theo dõi, đánh giá**

Quy trình tổ chức theo dõi, đánh giá gồm những bước chính như sau:

1. Công tác chuẩn bị: trên cơ sở chương trình, kế hoạch cải cách hành chính hàng năm của UBND huyện, UBND các xã, thị trấn xây dựng báo cáo, đánh giá

việc thực hiện chương trình, kế hoạch thông qua kiểm chứng, đối chiếu với thang điểm của chỉ số đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính hàng năm.

## 2. Tổ chức đánh giá công tác CCHC tại UBND xã, thị trấn.

Thẩm định và báo cáo kết quả đánh giá, xếp hạng; phân tích các nguyên nhân và đề xuất các giải pháp cải thiện việc thực hiện chương trình, kế hoạch cải cách hành chính trong các năm tiếp theo. Công bố kết quả chỉ số CCHC.

### **Điều 6. Thành phần hồ sơ và thời gian tổ chức thực hiện đánh giá**

#### 1. Thành phần hồ sơ báo cáo kết quả tự đánh giá, xếp loại gồm:

- Văn bản đề nghị xét công nhận kết quả tự đánh giá, xếp loại của UBND các xã, thị trấn;

- Bảng tự chấm điểm theo các tiêu chí trong thang điểm chỉ số đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính kèm theo báo cáo kết quả tự đánh giá;

- Danh mục các tài liệu kiểm chứng (ghi rõ số, trích yếu, ngày, tháng, năm ban hành) theo từng nội dung chấm điểm của đơn vị gồm: các báo cáo, tài liệu, sản phẩm chứng minh chỉ số kết quả đạt được; quy chế làm việc, quy chế chi tiêu nội bộ... Thiếu một trong những tài liệu kiểm chứng nào thì nội dung đó coi như không thực hiện và không được chấm điểm.

#### 2. Thời gian tổ chức thực hiện và gửi báo cáo kết quả tự đánh giá, xếp loại:

a) UBND các xã, thị trấn tiến hành tự đánh giá đơn vị mình theo nội dung của Bộ chỉ số và gửi kết quả về UBND huyện (qua Phòng Nội vụ) trước ngày 10/12 hàng năm.

b) Sau mốc thời gian quy định nêu trên, nếu UBND huyện không nhận được đầy đủ hồ sơ tự đánh giá, xếp loại theo quy định thì đơn vị bị xếp hạng đơn vị yếu.

3. Trước ngày 31 tháng 12 hàng năm, Phòng Nội vụ có trách nhiệm tham mưu UBND huyện tiến hành việc thẩm định, đánh giá kết quả và đề xuất xếp hạng kết quả CCHC năm trước của UBND các xã, thị trấn.

### **Điều 7. Tổ chức Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính của UBND xã, thị trấn**

Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính của UBND các xã, thị trấn (sau đây gọi tắt là Hội đồng) được tổ chức như sau:

- UBND cấp xã bao gồm: lãnh đạo UBND xã, thị trấn; công chức tham mưu công tác cải cách hành chính và các công chức chuyên môn; mời đại diện lãnh đạo TT Đảng ủy, HĐND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, thị trấn, các đoàn thể tham gia.

### **Điều 8. Tổ chức thẩm định**

Phòng Nội vụ có trách nhiệm tổng hợp và tham mưu UBND huyện thành lập Hội đồng thẩm định hoặc tổ chức đánh giá độc lập để thẩm định việc tự đánh giá của UBND các xã, thị trấn và báo cáo UBND huyện về kết quả đánh giá; đề xuất

việc dự kiến xếp hạng kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính đối với UBND các xã, thị trấn.

### **Điều 9. Xếp hạng kết quả cải cách hành chính hàng năm**

Việc xếp hạng kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính đối với UBND các xã, thị trấn tính trên cơ sở điểm bình quân của các tiêu chí được chấm điểm đối với đơn vị và xác định theo thứ tự từ cao đến thấp và phân loại thành các nhóm:

- Điểm tổng cộng từ 91 đến 100: Đơn vị xuất sắc;
- Điểm tổng cộng từ 81 đến 90: Đơn vị tốt;
- Điểm tổng cộng từ 65 đến 80: Đơn vị khá;
- Điểm tổng cộng từ 50 đến 64: Đơn vị trung bình;
- Điểm tổng cộng dưới 50: Đơn vị yếu.

## **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 10. Trách nhiệm của Lãnh đạo UBND các xã, thị trấn**

Tổ chức phổ biến, quán triệt Quy định này trong phạm vi đơn vị mình và thực hiện đánh giá, xếp hạng công tác cải cách hành chính của đơn vị đầy đủ, chính xác và kịp thời theo đúng Quy định này.

### **Điều 11. Trách nhiệm của Phòng Nội vụ và cơ quan, đơn vị có liên quan**

#### **1. Phòng Nội vụ**

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan theo dõi, hướng dẫn và tổ chức kiểm tra các nội dung phục vụ theo dõi, đánh giá theo Quy định này.

b) Tham mưu UBND huyện thành lập Hội đồng tổ chức thẩm định kết quả CCHC tại UBND các xã, thị trấn.

c) Tổng hợp, báo cáo tình hình kết quả thực hiện và tham mưu đề xuất UBND huyện, UBND tỉnh khen thưởng các đơn vị có thành tích trong công tác cải cách hành chính hàng năm.

d) Hàng năm, theo yêu cầu nhiệm vụ cải cách hành chính, Phòng Nội vụ có trách nhiệm đề xuất UBND huyện ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện nội dung Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện công tác CCHC.

#### **2. Đài truyền thanh huyện và các đài truyền thanh xã thị trấn**

a) Tuyên truyền việc tổ chức thực hiện nội dung Quy định này.

b) Phối hợp cung cấp thông tin theo dõi, phản ánh tình hình thực hiện các nội dung về cải cách hành chính tại UBND các xã, thị trấn để có cơ sở giúp các cơ quan chức năng tiến hành có hiệu quả công tác theo dõi, đánh giá, xếp hạng cải cách hành chính.



**Điều 12.** Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh UBND các xã, thị trấn kịp thời phản ánh về UBND huyện ( qua Phòng Nội vụ) để xem xét sửa đổi, bổ sung Quy định cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Xuân Phong*  
\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Xuân Phong**



**CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH  
ĐỐI VỚI UBND CÁC XÃ, THỊ TRẤN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 272A/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2017 của UBND huyện)

STT	LĨNH VỰC/ TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm thẩm định	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	
<b>I</b>	<b>Chỉ đạo, điều hành công tác cải cách hành chính</b>	<b>25</b>			
<b>1</b>	<b>Ban hành Kế hoạch hoặc Chương trình công tác CCHC năm của UBND cấp xã</b>	<b>4</b>			
	- Ban hành đúng thời gian quy định (trước ngày 31/12 hàng năm)	1			
	- Ban hành đầy đủ nội dung nhiệm vụ CCHC theo quy định	1			
	- Có phân công trách nhiệm thực hiện và thời gian cụ thể	1			
	- Có dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ CCHC trong kế hoạch	1			
<b>2</b>	<b>Mức độ thực hiện Kế hoạch CCHC</b>	<b>3</b>			
	- Đạt 100% nội dung chương trình/kế hoạch	3			
	- Đạt từ 80% đến dưới 100% nội dung chương trình/kế hoạch	2			
	- Đạt từ 60% đến dưới 80% nội dung chương trình/kế hoạch	1			
	- Dưới 60% nội dung chương trình/kế hoạch	0			
<b>3</b>	<b>Tổ chức tuyên truyền, phổ biến CCHC</b>	<b>3</b>			
<b>3.1</b>	<b>Ban hành kế hoạch tuyên truyền, phổ biến về CCHC tại địa phương</b>	<b>1</b>			
	- Có ban hành kế hoạch	1			
	- Không ban hành kế hoạch	0			
<b>3.2</b>	<b>Thực hiện tuyên truyền, phổ biến CCHC tại địa phương</b>	<b>2</b>			
	- Tổ chức hội nghị quán triệt các nội dung về kế hoạch CCHC	1			
	- Có chuyên mục, bài viết về CCHC trên Đài Truyền thanh của địa phương	1			
<b>4</b>	<b>Chế độ thông tin, báo cáo về CCHC</b>	<b>2</b>			
	- Thực hiện đầy đủ số lượng, nội dung chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo chuyên đề về công tác CCHC đúng quy định	2			

	- Có 01 báo cáo định kỳ hoặc báo cáo chuyên đề về công tác CCHC trễ hạn, không đầy đủ nội dung so với quy định	1			
	- Có từ 02 báo cáo định kỳ về công tác CCHC trễ hạn, không đầy đủ nội dung so với quy định	0			
<b>5</b>	<b>Công tác kiểm tra về CCHC trong nội bộ</b>	<b>3</b>			
<b>5.1</b>	<b>Kết quả thực hiện kiểm tra CCHC</b>	<b>2</b>			
	- Thường xuyên tiến hành kiểm tra	2			
	- Định kỳ tiến hành kiểm tra	1			
	- Không thực hiện kiểm tra	0			
<b>5.2</b>	<b>Xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra</b>	<b>1</b>			
	-Thực hiện có hiệu quả	1			
	-Không thực hiện	0			
<b>6</b>	<b>Sự năng động trong chỉ đạo, điều hành CCHC</b>	<b>2</b>			
<b>6.1</b>	<b>Gắn kết quả thực hiện CCHC với công tác thi đua, khen thưởng và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với CB,CC</b>	<b>0.5</b>			
	- Có ban hành quy chế khen thưởng hoặc có quy định về khen thưởng thành tích CCHC trong quy chế khen thưởng	0.25			
	- Có tổ chức khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác CCHC tại đơn vị	0.25			
<b>6.2</b>	<b>Giải pháp trong triển khai công tác CCHC</b>	<b>1</b>			
	- Có giải pháp, cải tiến đã được tiến hành trong thực tế và mang lại hiệu quả	1			
	- Không có giải pháp	0			
<b>6.3</b>	<b>Tổ chức đánh giá, sơ kết, tổng kết thực hiện công tác CCHC của UBND cấp xã hàng năm</b>	<b>0.5</b>			
	- Có thực hiện	0.5			
	- Không thực hiện	0			
<b>7</b>	<b>Trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác CCHC</b>	<b>8</b>			
<b>7.1</b>	<b>Phân công trách nhiệm phụ trách công tác CCHC</b>	<b>1</b>			
	- Người đứng đầu phụ trách công tác CCHC	1			
	- Không phải người đứng đầu phụ trách công tác CCHC	0			
<b>7.2</b>	<b>Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành, báo cáo công tác CCHC của đơn vị</b>	<b>1</b>			
	-100% công việc do người đứng đầu trực tiếp phụ trách	1			
	- Có 1 số công việc do cấp phó phụ trách	0.5			
	- 100% công việc do cấp phó phụ trách	0			
<b>7.3</b>	<b>Hoàn thành các nhiệm vụ do UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao</b>	<b>5</b>			
	- Hoàn thành 100% nhiệm vụ	5			
	- Hoàn thành từ 80% đến dưới 100% nhiệm vụ	4			
	- Hoàn thành từ 60% đến dưới 80% nhiệm vụ	3			

	- Hoàn thành từ 40% đến dưới 60% nhiệm vụ	2			
	- Hoàn thành dưới 40% nhiệm vụ	1			
<b>7.4</b>	<b>Việc tham gia các cuộc họp/tập huấn về CCHC do UBND tỉnh, Sở, huyện tổ chức</b>	<b>1</b>			
	- Người đứng đầu tham gia đầy đủ đúng thành phần các cuộc họp	1			
	- Ủy quyền cho cấp phó tham gia	0.5			
	- Không tham gia/ ủy quyền công chức chuyên môn tham gia	0			
<b>II</b>	<b>Kết quả thực hiện công tác CCHC</b>	<b>75</b>			
<b>1</b>	<b>Cải cách thể chế</b>	<b>6</b>			
<b>1.1</b>	<b>Xây dựng và ban hành các văn bản QPPL của địa phương</b>	<b>1</b>			
	- Thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định	1			
	- Không thực hiện đúng	0			
<b>1.2</b>	<b>Chất lượng văn bản (bao gồm cả văn bản QPPL) do địa phương ban hành</b>	<b>2</b>			
	- Quy định rõ ràng, kịp thời, mang tính khả thi cao	1			
	- Không chồng chéo, mâu thuẫn với các văn bản còn hiệu lực và không trái với văn bản QPPL cấp trên	1			
<b>1.3</b>	<b>Thực hiện rà soát hệ thống văn bản của địa phương hàng năm</b>	<b>2</b>			
	- Có triển khai rà soát thực hiện	1			
	- Có báo cáo kết quả thực hiện	0.5			
	- Có xử lý, đề nghị xử lý các vấn đề bất cập hoặc không còn phù hợp	0.5			
<b>1.4</b>	<b>Thực hiện triển khai văn bản QPPL tại địa phương</b>	<b>1</b>			
	- Có tổ chức phổ biến, tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện	0,5			
	- Có tổ chức kiểm tra, đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện	0,5			
<b>2</b>	<b>Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)</b>	<b>24</b>			
<b>2.1</b>	<b>Công tác rà soát thủ tục hành chính</b>	<b>6</b>			
2.1.1	Thực hiện báo cáo hoạt động kiểm soát TTHC định kỳ hàng quý (thiếu mỗi báo cáo trừ 0,25 điểm)	1			
2.1.2	Kết quả kiến nghị đơn giản hóa TTHC trong năm	1			
	- Có kiến nghị đơn giản hóa TTHC gửi về UBND huyện (thông qua cơ quan chuyên môn)	1			
	- Có báo cáo kết quả rà soát gửi về UBND huyện (thông qua cơ quan chuyên môn) nhưng không có phương án đơn giản hóa	0.5			
2.1.3	Thực hiện công khai các thủ tục hành chính và địa chỉ phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức	2			
	- Niêm yết đầy đủ, cập nhật các TTHC thuộc lĩnh vực quản lý được công bố	1			

	- Niêm yết công khai nội dung hướng dẫn và địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về TTHC tại Bộ phận một cửa	1			
2.1.4	Xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về TTHC (kể cả đơn thư, khiếu nại) thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã	2			
	- Xử lý trên 80% các kiến nghị	2			
	- Từ 50% đến dưới 80% các kiến nghị	1			
	- Dưới 50% các kiến nghị	0.5			
2.2	<b>Thực hiện cơ chế một cửa/cơ chế một cửa liên thông</b>	<b>18</b>			
2.2.1	Tỉ lệ TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông so với tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã (thông qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả)	2			
	- Từ 80% trở lên	2			
	- Từ 70% đến dưới 80%	1			
	- Dưới 70%	0			
2.2.2	Tổ chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	2			
	- Có bố trí 100% công chức tiếp nhận hồ sơ đúng chuyên môn đầy đủ theo quy định	2			
	- Có bố trí từ 80% đến dưới 100% công chức tiếp nhận hồ sơ đúng chuyên môn đầy đủ theo quy định	1			
	- Có bố trí từ 50% đến dưới 80% công chức tiếp nhận hồ sơ đúng chuyên môn đầy đủ theo quy định	0.5			
	- Bố trí dưới 50% công chức tiếp nhận hồ sơ đúng chuyên môn đầy đủ theo quy định	0			
2.2.3	Thực hiện chế độ phụ cấp đối với công chức bộ phận tiếp nhận theo quy định	1			
	- Thực hiện đầy đủ theo quy định	1			
	- Chưa thực hiện đầy đủ	0			
2.2.4	Bố trí địa điểm tiếp nhận hồ sơ	1			
	- Bảo đảm đủ diện tích theo quy định	1			
	- Chưa bảo đảm diện tích theo quy định	0			
2.2.5	Trang bị cơ sở vật chất tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1			
	- Bảo đảm các điều kiện đáp ứng yêu cầu công việc và để phục vụ tốt cho tổ chức, công dân (ghế ngồi, bút, nước uống, máy tính...)	1			
	- Chưa thực hiện đầy đủ	0			
2.2.6	Tổ chức các loại sổ (hoặc phần mềm) theo dõi, quản lý hồ sơ tiếp nhận và giải quyết theo quy định (Sổ theo dõi việc tiếp nhận và trả hồ sơ, Phiếu Biên nhận hồ sơ và Phiếu hướng dẫn), cập nhật thông tin đầy đủ	3			
	- 100% các công chức chuyên môn thực hiện và cập nhật đầy đủ thông tin	3			
	- Từ 80% đến dưới 100% các công chức chuyên môn thực hiện	2			

	- Từ 50% đến dưới 80% các công chức chuyên môn thực hiện	1			
	- Dưới 50% thực hiện	0			
2.2.7	Tỷ lệ hồ sơ được giải quyết đúng và sớm hạn	3			
	- Từ 95% hồ sơ trở lên	3			
	- Từ 85% đến dưới 95% hồ sơ	2			
	- Từ 75% đến dưới 85% hồ sơ	1			
	- Dưới 75%	0			
2.2.8	Thực hiện việc xin lỗi tổ chức, công dân trong trường hợp trả kết quả không đúng hạn	2			
	- Thực hiện từ 90% trở lên/không có hồ sơ trễ hạn	2			
	- Thực hiện từ 50% đến dưới 90%	1,5			
	- Thực hiện từ 20% đến dưới 50	1			
	- Dưới 20%	0			
2.2.9	Tỷ lệ đánh giá tốt về mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân về chất lượng dịch vụ của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã	3			
	- Trên 90%	3			
	- Từ 50% đến 90%	2			
	- Từ 30% đến dưới 50%	1			
	- Dưới 30%	0			
3	<b>Cải cách tổ chức bộ máy</b>	6			
3.1	<b>Đánh giá về việc thực hiện Quy chế làm việc của UBND cấp xã theo quy định hiện hành</b>	2			
	- Thường xuyên rà soát, sửa đổi xây dựng quy chế làm việc phù hợp với điều kiện thực tế tại đơn vị	2			
	- Chưa kịp thời điều chỉnh, sửa đổi quy chế làm việc cho phù hợp với điều kiện thực tế tại đơn vị	0			
3.2	<b>Thông báo phân công nhiệm vụ phù hợp với quy định và thực tế</b>	2			
	- Thực hiện đối với 100% cá nhân, tổ chức trực thuộc thực hiện	2			
	- Từ 80% đến dưới 100% cá nhân, tổ chức trực thuộc thực hiện	1.5			
	- Từ 50% đến dưới 80% cá nhân, tổ chức trực thuộc thực hiện	1			
	- Dưới 50% cá nhân, tổ chức trực thuộc thực hiện	0			
3.3	<b>Xây dựng đầy đủ kế hoạch công tác hàng tháng (thiếu mỗi tháng trừ 0.25 điểm)</b>	2			
4	<b>Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức</b>	20			
4.1.	<b>Tỷ lệ cán bộ, công chức đạt chuẩn theo quy định</b>	3			
	- Đạt 100% cán bộ, công chức đạt chuẩn	3			
	- Từ 80% đến dưới 100% cán bộ, công chức đạt chuẩn	2			
	- Từ 50% đến dưới 80% cán bộ, công chức đạt chuẩn	1			
	- Dưới 50% cán bộ, công chức đạt chuẩn	0			

4.2	<b>Thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức của đơn vị đúng, đầy đủ, kịp thời</b>	1			
	- Tốt (tất cả trường hợp đầy đủ, kịp thời)	1			
	- Khá (hầu hết trường hợp đầy đủ, kịp thời)	0,5			
	- Chưa đầy đủ kịp thời	0			
4.3	<b>Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức</b>	5			
4.3.1	Tỷ lệ cán bộ, công chức trong tổng số biên chế được đào tạo, bồi dưỡng hàng năm	2			
	a) Trên 25%	2			
	b) Từ 10% đến 25%	1			
	c) Dưới 10%	0			
4.3.2	Tỷ lệ cán bộ, công chức tham gia các Lớp đào tạo, bồi dưỡng theo Kế hoạch của tỉnh, huyện	2			
	a) 100% tham gia đầy đủ	2			
	b) Từ 80% đến dưới 100%	1			
	c) Dưới 80%	0			
4.3.3	Có giải pháp theo dõi công tác đào tạo, bồi dưỡng của cán bộ, công chức	1			
	- Có giải pháp thực hiện	1			
	- Không có giải pháp hoặc có thông báo của cấp trên về việc CB, CC không chấp hành quy định thì không đạt	0			
4.4	<b>Thực hiện việc bố trí công chức xã được tuyển dụng đúng quy định</b>	2			
	- Đạt 100%	2			
	- Đạt từ 80% đến dưới 100%	1			
	- Đạt từ 50% đến dưới 80%	0,5			
	- Đạt dưới 50%	0			
4.5	<b>Kết quả thực hiện việc đánh giá cán bộ, công chức hàng năm</b>	2			
	- 100% CBCC được đánh giá từ hoàn thành Tốt nhiệm vụ trở lên	2			
	- Từ 80% đến dưới 100% CBCC được đánh giá từ hoàn thành Tốt nhiệm vụ trở lên	1,5			
	- Từ 50% đến dưới 80% CBCC được đánh giá từ hoàn thành Tốt nhiệm vụ trở lên	1			
	- Dưới 50% CBCC được đánh giá từ hoàn thành Tốt nhiệm vụ trở lên	0			
4.6	<b>Thực hiện văn hóa công sở, nâng cao tinh thần trách nhiệm, đạo đức công vụ của cán bộ, công chức nhà nước</b>	7			
4.6.1	Có ban hành Quy chế/Quy định về thực hiện văn hóa công sở	1			
	- Có	1			
	- Không	0			
4.6.2	Triển khai thực hiện văn hóa công sở tại cơ quan, đơn vị	3			



	- Thực hiện việc đeo thẻ công chức đúng quy định	1			
	- Có các bảng tên phòng làm việc, bảng tên chức danh đúng quy định	1			
	- Có nội quy cơ quan và sơ đồ bố trí phòng làm việc của cơ quan đúng với thực tế	0.5			
	- Bài trí công sở sạch, đẹp, ngăn nắp, đúng quy định	0,5			
4.6.3	Thực hiện nghiêm túc các quy định theo Chỉ thị 23/CT-UBND ngày 11/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh	2			
	- Thực hiện nghiêm túc và đúng theo quy định	2			
	- Chưa nghiêm túc	0			
4.6.4	Có giải pháp kiểm tra, giám sát thực hiện văn hóa công sở	1			
	- Có giải pháp (có kiểm tra, giám sát CB, CC thực hiện các quy định về thực hiện văn hóa công sở)	1			
	- Không có giải pháp; không kiểm tra	0			
<b>5</b>	<b>Cải cách tài chính công</b>	<b>7</b>			
	Thực hiện cơ chế tài chính theo Nghị định số 117/2013/NĐ-CP và tăng thu nhập cho cán bộ, công chức	7			
5.1	Ban hành quy định/quy chế về chi tiêu nội bộ và quản lý tài sản công	2			
	- Đã ban hành quy định/quy chế về chi tiêu nội bộ và quản lý tài sản công	2			
	- Chưa ban hành	0			
5.1	Thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí theo quy định	1			
	- Đã triển khai thực hiện	1			
	- Chưa triển khai thực hiện	0			
5.2	Thực hiện tăng thu nhập với CB, CC	2			
	- Tăng trên 1 lần lương cơ sở	2			
	- Tăng từ 0.5 đến 1 lần lương cơ sở	1.5			
	- Tăng dưới 0.5 lần lương cơ sở	1			
	- Không tăng thu nhập	0			
5.3	Thực hiện việc phân phối tăng thu nhập hiệu quả	2			
	- Thực hiện phân phối tăng thu nhập theo tiêu chí và có phân loại qua kết quả thực hiện nhiệm vụ	2			
	- không phân phối theo phân loại đánh giá	0			
<b>6</b>	<b>Hiện đại hoá nền hành chính</b>	<b>12</b>			
6.1	Tỷ lệ cán bộ, công chức của cơ quan được trang bị máy tính để làm việc	3			
	- Đạt trên 90%	3			
	- Đạt từ 70% đến dưới 90%	2			
	- Đạt từ 50% đến dưới 70%	1			
	- Dưới 50%	0			
6.2	Tỷ lệ cán bộ, công chức của cơ quan đã có và sử dụng thư điện tử trong công việc	2			
	- Đạt trên 80%	2			

	- Đạt từ 60% đến dưới 80%	1,5			
	- Đạt từ 40% đến 60%	1			
	- Đạt dưới 40%	0			
<b>6.3</b>	<b>Trang bị hệ thống mạng Lan/mạng internet tại UBND cấp xã</b>	<b>3</b>			
	- Có sử dụng mạng LAN	3			
	- Không có sử dụng mạng LAN nhưng có sử dụng mạng internet	2			
	- Không có sử dụng mạng LAN/mạng internet	0			
<b>6.4</b>	<b>Ứng dụng hệ thống Văn phòng điện tử vào điều hành tại cấp xã</b>	<b>2</b>			
	- Đã triển khai và duy trì thực hiện tốt ứng dụng	2			
	- Không triển khai, thực hiện	0			
<b>6.5</b>	<b>Tự xây dựng hoặc sử dụng phần mềm phục vụ cho công tác chuyên môn, nghiệp vụ hoặc có ứng dụng công nghệ thông tin vào một số quy trình hoạt động của đơn vị như: quy trình thông tin, báo cáo...</b>	<b>1</b>			
	- Có	1			
	- Không	0			
<b>6.6</b>	<b>Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 theo quy định</b>	<b>1</b>			
	- Đã triển khai thực hiện	1			
	- Chưa triển khai thực hiện	0			
<b>ĐIỂM TỔNG CỘNG</b>		<b>100</b>			
<b>III</b>	<b>Điểm thưởng</b>	<b>5</b>			
1	Tổ chức tự đánh giá, chấm điểm chặt chẽ, chính xác và báo cáo cho UBND huyện đúng thời gian quy định	2			
2	Tổ chức, tham gia hội thi, cuộc thi tìm hiểu hay hội thảo, sinh hoạt chuyên đề về CCHC	1			
3	Có những cách làm đột phá trong công tác CCHC được UBND huyện, dư luận đánh giá cao	2			
<b>IV</b>	<b>Điểm phạt</b>	<b>5</b>			
1	Thiếu quan tâm đến công tác CCHC, để xảy ra tình trạng trì trệ, không đổi mới, tiến bộ	2			
2	Đơn vị thực hiện công tác CCHC yếu, bị UBND huyện kiểm điểm, dư luận phê phán	2			
3	Có đơn thư tố cáo, kiến nghị, ý kiến góp ý hay tin, bài trên các phương tiện thông tin về thái độ, hành vi gây phiền hà, những thiếu sót của cán bộ, công chức, viên chức trong đơn vị mà được cơ quan có thẩm quyền xác minh nội dung phản ánh là đúng sự thật hoặc để xảy ra sai sót trong quá trình xử lý công việc làm ảnh hưởng đến sự phát triển của đơn vị	1			